SAO Y
Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Cơ quan:
Thời gian ký: 23.11.2026 09:33:31 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 127 /2026/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 75/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Nghị định số 385/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 368/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 45/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 368/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này bãi bỏ số thứ tự thứ 3 Phụ lục I Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thuộc lĩnh vực nội vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- TT. UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Chánh, các PCVP. UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử thành phố;
- Các cơ quan báo chí;
- Lưu: VT, KGVX.

(TTBPhuong-VX)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Út

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trách nhiệm trong công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua; đối tượng, hình thức, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; đối tượng, hình thức, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng trên địa bàn thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 12, khoản 4, khoản 6 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 71, khoản 6 Điều 74, khoản 2 Điều 75, điểm a, điểm b khoản 8 Điều 84, khoản 6 Điều 90, khoản 10 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16, Nghị định số 368/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Hội đồng nhân dân, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và các hội khác; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố, các đơn vị sự nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác; tổ hợp tác, cơ sở sản xuất; hộ gia đình, Nhân dân trên địa bàn thành phố; tập thể, cá nhân ngoài thành phố, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố.

2. Các cụm, khối thi đua trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan tham mưu, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; đơn vị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố; cơ quan Đảng cấp thành phố; Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc UBND thành phố; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố, các hội quần chúng cấp thành phố được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, các hội khác cấp thành phố,

doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thuộc thành phố, lực lượng vũ trang cấp thành phố sau đây gọi chung là cơ quan cấp thành phố.

2. Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố là cơ quan thuộc Bộ, ban, ngành Trung ương có trụ sở trên địa bàn thành phố.

3. Giám đốc, người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành cao nhất của các cơ quan cấp thành phố quy định tại khoản 1 Điều này gọi chung là Thủ trưởng cơ quan cấp thành phố.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Xã, phường sau đây gọi chung là cấp xã.

6. Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gọi là cơ quan cấp xã.

7. Đơn vị trực thuộc là các đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của cơ quan cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp.

8. Cá nhân lao động trực tiếp là công nhân, nông dân, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; công chức, viên chức, nhân viên, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo Luật số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16, Nghị định số 368/2026/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Xét khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, đồng thời, tập thể đó không bị xử lý kỷ luật hoặc không đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

3. Phong trào thi đua do cấp nào phát động thì cấp đó xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét khen thưởng.

4. Các đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng nhân dịp tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập phải có ý kiến chấp thuận chủ trương khen thưởng của Thành ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Hồ sơ khen thưởng đảm bảo đúng thời hạn theo quy định. Tập thể, hộ gia đình, cá nhân chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình cấp trên khen thưởng gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

6. Không xét khen thưởng theo công trạng đối với các đơn vị ngoài cụm, khối thi đua thành phố và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố.

7. Không xét khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội thao, hội diễn, hội thi. Ngoại trừ các trường hợp thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thành ủy hoặc Ủy ban nhân dân thành phố thì được đề xuất khen thưởng không quá 15 tập thể, hộ gia đình, cá nhân (trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định số lượng khen thưởng).

8. Khi xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có tiêu chuẩn liên quan đến kết quả đánh giá xếp loại tổ chức đảng: Tập thể có tổ chức đảng lấy kết quả đánh giá, xếp loại của tổ chức đảng của năm xét khen thưởng. Tập thể thuộc ngành giáo dục và đào tạo có thời điểm đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo năm học, lấy kết quả đánh giá xếp loại của tổ chức đảng của năm trước liền kề năm xét khen thưởng. Tập thể không có tổ chức đảng hoặc có tổ chức đảng sinh hoạt ghép khi đề nghị khen thưởng phải nêu rõ trong báo cáo thành tích.

9. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

10. Không xét khen thưởng thành tích đột xuất cho tập thể, hộ gia đình và cá nhân thực hiện công việc được giao theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương. Không lấy thành tích của đợt phát động thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương để đề nghị cấp trên khen thưởng thành tích đột xuất.

11. Báo cáo thành tích phải thông tin đầy đủ về nội dung, viết chi tiết, cụ thể, phản ánh trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác thành tích tiêu biểu, xuất sắc nổi bật, có định lượng (tỷ lệ %, giá trị làm lợi, doanh thu, minh chứng qua số liệu cụ thể, thể hiện hiệu quả, lợi ích mang lại phù hợp với tính chất thành tích đề nghị khen thưởng), các sáng kiến, số tiền thực hiện công tác xã hội, từ thiện phải có tài liệu minh chứng, chứng từ hợp pháp kèm theo.

12. Nguyên tắc kiểm soát số lượng và tỷ lệ khen thưởng:

a) Trong 01 năm, mỗi tập thể, hộ gia đình, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng không quá 02 Bằng khen (không tính khen công trạng, đột xuất).

b) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc (do Bộ, ngành, Trung ương quản lý biên chế, quỹ lương) khi chủ trì đề nghị khen thưởng phong trào thi đua hoặc chuyên đề, không đề xuất quá 03 tập thể và 07 cá nhân để Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen.

c) Trong xét khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề và khen thưởng chuyên đề, tỷ lệ đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên) không quá 30% tổng số cá nhân đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng. Đảm bảo ít nhất 70% là người lao động trực tiếp (công nhân, nông dân, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý).

d) Khi tính toán tỷ lệ khống chế số lượng khen thưởng theo quy định tại Quy chế này, nếu kết quả có phần thập phân thì làm tròn xuống số nguyên gần nhất.

Chương II
TỔ CHỨC THI ĐUA, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1
PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 5. Phạm vi tổ chức phong trào thi đua

1. Thành phố Đồng Nai; địa phương (xã, phường).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố.

3. Cụm, khối thi đua trên địa bàn thành phố.

Điều 6. Nội dung, phương pháp và trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

a) Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện. Tổ chức phong trào thi đua phải xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và thời gian thi đua thiết thực, rõ ràng.

b) Tổ chức phát động, xây dựng kế hoạch, xác định biện pháp, phối hợp với cơ quan có liên quan để tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của phong trào thi đua, vận động đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng phát huy tinh thần trách nhiệm, tự giác tham gia, đồng thời, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua.

c) Có kế hoạch hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát phong trào thi đua theo thẩm quyền để nâng cao hiệu quả tổ chức phong trào thi đua.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua nhằm đánh giá kết quả thực hiện, phổ biến những kinh nghiệm hay, cách làm mới trong phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng. Kịp thời tổ chức tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh, nhân rộng những gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

đ) Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương phải gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố thông qua cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp và phối hợp trong công tác hướng dẫn khen thưởng.

2. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua trên phạm vi toàn thành phố.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (cơ quan thường trực) có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động, chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua trên phạm vi toàn thành phố.

c) Thủ trưởng cơ quan cấp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến.

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua, thực hiện chính sách khen thưởng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

đ) Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, các phong trào thi đua yêu nước; phát hiện, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, cổ động các phong trào thi đua. Đồng thời, đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. Cụm, khối thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các phong trào thi đua hằng năm do Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố phát động; bình xét, suy tôn đơn vị, địa phương trong cụm, khối có thành tích xuất sắc để đề nghị khen thưởng theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập cụm, khối thi đua thuộc thành phố.

Mục 2
ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua thành phố"

Danh hiệu chiến sĩ thi đua thành phố tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

2. Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong thành phố hoặc có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh

giá hiệu quả theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có phạm vi ảnh hưởng trong thành phố.

Điều 9. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" và có sáng kiến được cơ sở công nhận;

c) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" và có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá hiệu quả theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tỷ lệ chiến sĩ thi đua cơ sở theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này, không quá 10% trong tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn danh hiệu Lao động tiên tiến (không bao gồm cá nhân được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 10. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" để xét tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Có tinh thần tự lực, tự cường, tích cực tham gia phong trào thi đua;

2. Đối với công nhân, nông dân, người lao động không thuộc khoản 1 Điều này:

a) Lao động, sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua; có mô hình sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế.

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

Điều 11. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố"

1. Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố để xét tặng cho các đối tượng là các đơn vị thuộc Cụm/Khối thi đua do cấp có thẩm quyền thành lập và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (nếu có); tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác;

c) Đạt số điểm cao nhất, được các thành viên trong cụm, khối thi đua thống nhất bình chọn, suy tôn là đơn vị có thành tích thi đua tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu cụm, khối thi đua và đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào hoặc trong các trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 12. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc"

1. Đối tượng xét tặng:

a) Các phòng, ban và tương đương, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp thành phố;

b) Các phòng, ban và tương đương, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp xã;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan cấp thành phố gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc trường học, bệnh viện và tương đương như: khoa, phòng, ban và tương đương;

d) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

2. Tiêu chuẩn xét tặng:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên, trong đó có ít nhất 80% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật trong năm;

đ) Tập thể có tổ chức đảng phải được đánh giá, xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên (nếu có);

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" không vượt quá 30% tổng số tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" của cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm đó.

Điều 13. Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" được xét tặng hằng năm cho:

a) Các phòng, ban và tương đương, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp thành phố; tập thể thuộc đơn vị trực thuộc cơ quan cấp thành phố.

b) Các phòng, ban và tương đương, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp xã.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan cấp thành phố gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc trường học, bệnh viện và tương đương như: khoa, phòng, ban và tương đương.

d) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

2. Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có ít nhất 80% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Tập thể có tổ chức đảng được đánh giá, xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên (nếu có);

đ) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, xét tặng cho tập thể, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt thành tích theo từng loại hình khen thưởng sau:

1. Khen thưởng công trạng

a) Cá nhân có 02 lần liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" hoặc có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Tập thể có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương bình xét, lựa chọn không quá 20% tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong số tập thể, cá nhân đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng công trạng để đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng.

2. Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề và khen thưởng chuyên đề

a) Tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động khi sơ kết, tổng kết phong trào. Đối với các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động, đơn vị chủ trì phát động phong trào thi đua phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn khen thưởng.

b) Công nhân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và có sáng kiến trong lao động sản xuất đã được áp dụng mang lại nhiều lợi ích, hiệu quả cho doanh nghiệp.

c) Có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố giao; lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong thành phố; có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trên địa bàn thành phố.

d) Nông dân lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận; giúp đỡ hộ nông dân khác giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho 05 lao động trở lên.

đ) Doanh nhân, trí thức, nhà khoa học trên địa bàn thành phố đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của thành phố được thành phố công nhận.

e) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác trên địa bàn thành phố đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của thành phố được thành phố công nhận.

g) Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập, các tập thể thuộc khối thi đua do cơ quan, đơn vị cấp thành phố thành lập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm, tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thực hiện tốt các quy định của cụm, khối thi đua, tích cực tham gia các phong trào thi đua do cụm, khối phát động, được các thành viên trong cụm, khối thi đua bình xét.

h) Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc (do Bộ, ngành, Trung ương quản lý biên chế, quỹ lương) thuộc các cụm, khối thi đua của thành phố có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố Đồng Nai đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này (không khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đã được Bộ, ngành, Trung ương khen thưởng thành tích theo công trạng).

i) Tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo trên địa bàn thành phố có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

k) Tập thể và cá nhân đạt thành tích tại các kỳ thi

- Đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp Toàn quốc, Quốc tế.

- Đạt giải nhất, nhì (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp khu vực trong nước.

- Đạt giải nhất (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp thành phố.

- Huấn luyện viên, giáo viên bồi dưỡng cho các tập thể, cá nhân đạt giải nhất tại các kỳ thi cấp toàn quốc; Huấn luyện viên, giáo viên bồi dưỡng cho các tập thể, cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng (hoặc tương đương) tại các kỳ thi Quốc tế.

Trong một kỳ thi, trường hợp tập thể, cá nhân tham dự và đạt giải nhất ở nhiều nội dung thì chỉ xét tặng 01 Bằng khen cho huấn luyện viên, giáo viên bồi dưỡng.

Trong một kỳ thi, trường hợp tập thể, cá nhân tham dự và đạt giải cao ở nhiều nội dung thì chỉ xét tặng 01 Bằng khen cho thành tích cao nhất;

Nếu trong thể lệ kỳ thi không quy định giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) thì chỉ xét tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao nhất tính theo kết quả của cuộc thi.

Tập thể đạt giải tại các kỳ thi thì khen thưởng cho tập thể, không khen thưởng cho từng cá nhân thuộc tập thể đó.

Đối với đề tài, tác phẩm của cá nhân, nhóm cá nhân tham gia và đạt giải cấp thành phố, đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng, tham gia dự thi cấp khu vực, cấp toàn quốc và tiếp tục đạt giải thì không tiếp tục đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng.

l) Khen thưởng đại hội, tổng kết nhiệm kỳ

- Cá nhân là thành viên Ban chấp hành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian tham gia hoạt động của nhiệm kỳ và không tham gia nhiệm kỳ khóa mới hoặc cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong nhiệm kỳ.

- Tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động trong nhiệm kỳ, khi đề nghị khen thưởng phải có ý kiến thống nhất của các thành viên Ban chấp hành.

m) Khen thưởng kỷ niệm ngày thành lập

- Đối với đơn vị, địa phương nhân dịp tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập vào năm tròn (năm tròn là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là "0") và có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố.

- Đối với tập thể thuộc và trực thuộc đơn vị, địa phương tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập: có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có thời gian thành lập từ 05 năm trở lên.

- Đối với cá nhân: có thành tích tiêu biểu xuất sắc và có thời gian làm việc tại đơn vị, địa phương tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập từ 05 năm trở lên.

n) Khen thưởng hoạt động xã hội từ thiện

Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản (quy đổi thành tiền) cho địa phương, xã hội trên địa bàn thành phố, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn như sau:

- Đối với tập thể (hoặc hộ gia đình) trong năm có mức đóng góp từ 300 triệu đồng trở lên. Đối với cá nhân trong năm có mức đóng góp từ 150 triệu đồng trở lên. Đối với doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp trong năm có mức đóng góp tương ứng là 500 triệu đồng trở lên.

- Đối với thành tích đóng góp ngày công lao động sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể (theo quy đổi giá trị ngày công ra tiền công).

o) Khen thưởng cá nhân, tổ chức ở ngoài thành phố có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố hoặc các trường hợp đề nghị khen thưởng khác phải có ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Khen thưởng đối ngoại

Khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố.

4. Khen thưởng đột xuất

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để tặng cho tập thể, hộ gia đình; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực cấp thành phố và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Mưu trí, dũng cảm, có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong chiến đấu nhằm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong công tác phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn;

c) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, thể thao và các lĩnh vực khác ở châu lục và thế giới;

d) Có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân được xã hội ghi nhận.

Điều 15. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai"

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND quy định tặng kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai" (nay là thành phố Đồng Nai).

2. Mẫu Bằng Kỷ niệm chương, mẫu Kỷ niệm chương quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 16. Giấy khen

1. Giấy khen tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích được bình xét trong các phong trào thi đua.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Giấy khen tặng cho tập thể, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích được bình xét trong các phong trào thi đua.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Giấy khen để tặng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có đóng góp về công sức; đất đai; tài sản có giá trị; xây dựng các công trình phúc lợi xã hội được địa phương, các cấp, ngành ghi nhận.

Điều 17. Các hình thức biểu dương khác

1. Bức trướng của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai tặng cho các đơn vị, địa phương thuộc cụm, khối thi đua thuộc thành phố gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập và không kèm theo tiền thưởng.

2. Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Là hình thức biểu dương, ghi nhận kịp thời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hành động tiêu biểu, ảnh hưởng tích cực, có tính lan tỏa tại địa phương, cơ quan, đơn vị và thành phố; được các địa phương, cơ quan, đơn vị hoặc Sở Nội vụ đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố biểu dương bằng hình thức Thư khen và không kèm theo tiền thưởng.

3. Danh hiệu Công dân ưu tú thành phố Đồng Nai: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 79/2025/QĐ-UBND quy định về tổ chức xét tặng, tôn vinh danh hiệu "Công dân ưu tú tỉnh Đồng Nai".

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THẨM QUYỀN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố", "Chiến sĩ thi đua thành phố", "Tập thể Lao động xuất sắc", danh hiệu "Xã, phường, đặc khu tiêu biểu", danh hiệu "Công dân ưu tú thành phố Đồng Nai", Bằng khen và Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai"; quyết định hoặc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc".

2. Thủ trưởng cơ quan cấp thành phố và tương đương quyết định tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến"; "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; "Lao động tiên tiến" và Giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, "Gia đình văn hóa", "Tập thể Lao động tiên tiến"; "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" và Giấy khen.

4. Tổng Giám đốc, Giám đốc, người đứng đầu doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến"; "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; "Lao động tiên tiến" và Giấy khen; Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định tặng Giấy khen.

Điều 19. Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với khen thưởng hoạt động xã hội từ thiện trên địa bàn thành phố: cá nhân, tập thể (hoặc hộ gia đình) hoạt động xã hội từ thiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Điều 20. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu quy định tại Nghị định số 368/2026/NĐ-CP);

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, hộ gia đình, cá nhân (theo mẫu quy định tại Nghị định số 368/2026/NĐ-CP);

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng theo thủ tục đơn giản

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Bản danh sách trích ngang tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích đối với khen thưởng thành tích có nội dung tối mật, tuyệt mật để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản;

c) Văn bản của các cơ quan, đơn vị, địa phương cho ý kiến về thành tích đề nghị khen thưởng (nếu có).

4. Số lượng, cách thức nộp hồ sơ

a) Hồ sơ cấp nhà nước: Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước: Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi 01 bộ hồ sơ giấy (bản chính), riêng báo cáo thành tích 03 bộ bản chính; đồng thời, gửi các tệp tin điện tử của hồ sơ đến Sở Nội vụ (trên hệ thống quản lý văn bản). Hồ sơ chỉ được tiếp nhận khi Sở Nội vụ nhận được bản giấy và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

b) Hồ sơ cấp thành phố: Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên hệ thống quản lý văn bản gồm 01 bộ hồ sơ bản chính nếu qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc 01 bộ hồ sơ bản điện tử nếu qua hệ thống quản lý văn bản.

c) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có thẩm quyền trình khen thưởng chịu trách nhiệm về hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

Tờ trình đề nghị khen thưởng phải thể hiện rõ căn cứ pháp lý; nội dung, hình thức, thành tích đề nghị khen thưởng; ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương về nội dung xin ý kiến đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng (nếu có); ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng đã đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ thủ tục theo quy định. Kết quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua, khen thưởng theo quy định phải được thể hiện trong biên bản họp bình xét thi đua, khen thưởng.

5. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước, cấp thành phố

Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể như sau:

a) Hồ sơ khen thưởng công trạng (bao gồm cả tập thể, cá nhân thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo):

- Nộp hồ sơ khen thưởng cấp thành phố chậm nhất ngày 30 tháng 4 hằng năm.

- Nộp hồ sơ khen thưởng cấp nhà nước chậm nhất ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Hồ sơ khen thưởng công trạng ngành giáo dục và đào tạo (bao gồm tập thể, cá nhân thuộc trường học):

- Nộp hồ sơ khen thưởng cấp thành phố chậm nhất ngày 30 tháng 8 hằng năm.

- Nộp hồ sơ khen thưởng cấp nhà nước chậm nhất ngày 30 tháng 9 hằng năm.

Điều 21. Nghi thức công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Người điều hành buổi lễ, đại hội, hội nghị (gọi chung là buổi lễ) là đại diện lãnh đạo của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị tổ chức buổi lễ. Đơn vị chủ trì lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải xây dựng kịch bản lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức buổi lễ, người điều hành buổi lễ là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng xây dựng kịch bản lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Công bố danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

a) Cấp Nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 45, 46, 47 Nghị định số 368/2026/NĐ-CP.

b) Cấp thành phố:

- Đối với buổi lễ về công tác thi đua, khen thưởng do thành phố tổ chức hoặc các buổi lễ có ý kiến chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về công bố, điều hành nghi thức trao thưởng: đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng công bố toàn văn quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và điều hành nghi thức trao thưởng.

- Đối với buổi lễ do các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì tổ chức: đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương công bố toàn văn quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và điều hành nghi thức trao thưởng.

- Người trao danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là người có thẩm quyền quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc người được người có thẩm quyền quyết định khen thưởng ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đại diện lãnh đạo cấp trên tham dự buổi lễ.

c) Trao tặng các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân tập thể người nước ngoài; cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Điều 47, 48 Nghị định số 368/2026/NĐ-CP.

Điều 22. Lấy ý kiến để khen thưởng và lấy ý kiến Nhân dân khi đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

a) Cấp Nhà nước: thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 31

Nghị định số 368/2026/NĐ-CP; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Cấp thành phố: Sở Nội vụ thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan liên quan đối với đề xuất tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho các tập thể, hộ gia đình và cá nhân (nếu cần thiết).

c) Thời gian cho ý kiến: khi có văn bản xin ý kiến của Sở Nội vụ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện hoặc phần mềm xử lý văn bản), đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thủ trưởng đơn vị được xin ý kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời văn bản và nội dung được xin ý kiến.

2. Lấy ý kiến Nhân dân khi đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

a) Trước khi trình, xin ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố, Sở Nội vụ tiến hành lấy ý kiến công khai đến toàn thể Nhân dân đối với các trường hợp đề nghị tặng Huân chương, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", danh hiệu vinh dự Nhà nước và danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" trên Cổng thông tin điện tử của thành phố trong 10 ngày (trừ trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

b) Khi có ý kiến phản ánh hoặc dư luận của Nhân dân, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành thẩm tra, xác minh thông tin; báo cáo kết quả và đề xuất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

Chương V

THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 23. Cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố.

a) Đối với tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hiện vật khen thưởng cấp đổi (01 bộ bản chính) gồm: Tập thể có công văn, hộ gia đình, cá nhân có đơn đề nghị cấp đổi khi có hiện vật khen thưởng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, bị hư hỏng, rách nát không còn sử dụng được hoặc do in sai bằng kèm theo hiện vật khen thưởng gửi cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen thưởng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân trước đây hoặc địa phương nơi cư trú.

b) Đối với tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hiện vật khen thưởng cấp lại (01 bộ bản chính) gồm: Tập thể có công văn, hộ gia đình, cá nhân có đơn đề nghị cấp lại vì lý do khách quan làm mất, thất lạc không còn lưu trữ gửi cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen thưởng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân trước đây hoặc địa phương nơi cư trú.

c) Đối với cơ quan, đơn vị, địa phương

- Cơ quan, đơn vị, địa phương xác nhận thông tin khen thưởng, tổng hợp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

- Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của cơ quan, đơn vị, địa phương kèm danh sách, hiện vật khen thưởng (đối với đề nghị cấp đổi) và văn bản hoặc đơn đề nghị của tập thể, hộ gia đình, cá nhân gửi về Sở Nội vụ.

d) Hiện vật khen thưởng được thực hiện cấp đổi, cấp lại gồm:

- Bằng khen, Bằng chứng nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng chứng nhận và huy hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố, Bằng và Kỷ niệm chương thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai.

- Bằng khen, Bằng chứng nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng chứng nhận và huy hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bằng khen, Bằng chứng nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng chứng nhận và huy hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình phước.

đ) Hiện vật cấp đổi, cấp lại

- Bằng khen, Bằng chứng nhận, huy hiệu cấp đổi, cấp lại được in theo thiết kế mẫu Bằng, huy hiệu tại thời điểm hiện tại. Phía dưới bên phải bằng có con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm hiện tại; phía dưới bên trái bằng ghi "Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm" và ghi "Bằng cấp đổi số, ngày, tháng, năm" đối với hiện vật được cấp đổi hoặc ghi "Bằng cấp lại số, ngày, tháng, năm" đối với hiện vật được cấp lại.

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định ở thời điểm hiện tại; giữ lại hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện thanh lý tiêu hủy theo quy định, đồng thời, cấp phát, cấp đổi hiện vật khen thưởng về cho cơ quan, đơn vị, địa phương để cấp phát cho tập thể, hộ gia đình và cá nhân.

2. Hồ sơ thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố

a) Đối với tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hiện vật khen thưởng cấp đổi (01 bộ bản chính) gồm: Tập thể có công văn, hộ gia đình, cá nhân có đơn đề nghị cấp đổi khi có hiện vật khen thưởng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, bị hư hỏng, rách nát không còn sử dụng được hoặc do in sai bằng kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi gửi cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đối với tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hiện vật khen thưởng cấp lại (01 bộ bản chính) gồm: Tập thể có công văn, hộ gia đình, cá nhân có đơn đề nghị cấp lại vì lý do khách quan làm mất, thất lạc không còn lưu trữ gửi cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng: Trên cơ sở đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể, hộ gia đình, cá nhân, Phòng, ban, bộ phận được phân công phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương tra cứu, xác nhận khen thưởng và trình cơ quan thẩm quyền thực hiện cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng, đồng thời, thu lại hiện vật khen thưởng cũ hỏng.

d) Hiện vật khen thưởng được thực hiện cấp đổi, cấp lại gồm: Bằng (Giấy khen), Bằng chứng nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở thẩm quyền Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Hiện vật khen thưởng cấp đổi, cấp lại

- Giấy khen, Bằng chứng nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở cấp đổi, cấp lại được in theo thiết kế mẫu Giấy khen, Bằng chứng nhận tại thời điểm hiện tại. Phía dưới bên phải Bằng, Bằng chứng nhận có con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm hiện tại; phía dưới bên trái bằng ghi "Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm" và ghi "Bằng cấp đổi số, ngày, tháng, năm" đối với hiện vật được cấp đổi hoặc ghi "Bằng cấp lại số, ngày, tháng, năm" đối với hiện vật được cấp lại.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công phòng, ban, bộ phận chịu trách nhiệm tham mưu công tác mua sắm, in ấn theo mẫu quy định ở thời điểm hiện tại, xử lý tiêu hủy hiện vật khen thưởng thu lại trong thực hiện cấp đổi theo quy định hiện hành.

Điều 24. Thủ tục điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng

1. Điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng cấp thành phố

a) Thủ tục điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng cấp thành phố

- Cá nhân, hộ gia đình, tập thể bị sai thông tin trong quyết định khen thưởng gửi đơn hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đến cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị đã trình khen thưởng trước đây;

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ đề nghị khen thưởng, xác nhận tính chính xác của thông tin và lập tờ trình gửi Sở Nội vụ;

- Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định điều chỉnh.

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng cấp thành phố: 01 bộ bản chính, gồm có:

- Đơn đề nghị của cá nhân, hộ gia đình hoặc văn bản đề nghị của tập thể có thông tin cần điều chỉnh;

- Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị đã trình khen thưởng, trong đó, nêu rõ lý do, thông tin ghi trong quyết định khen thưởng và thông tin đề nghị điều chỉnh *(kèm theo danh sách các trường hợp đề nghị điều chỉnh thông tin, nếu đề nghị điều chỉnh từ 02 trường hợp trở lên).*

- Bằng gốc (nếu có), bản sao y quyết định khen thưởng, bản sao y Báo cáo thành tích của cá nhân, hộ gia đình, tập thể có thông tin cần điều chỉnh;

- Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã trình khen thưởng trước đây.

2. Điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Thủ tục điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cá nhân, hộ gia đình, tập thể bị sai thông tin trong quyết định khen thưởng gửi đơn hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Phòng, ban, bộ phận được phân công phụ trách công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, trình Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định điều chỉnh.

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: 01 bộ bản chính, gồm có:

- Đơn đề nghị của cá nhân, hộ gia đình hoặc văn bản đề nghị của tập thể có thông tin cần điều chỉnh, trong đó, nêu rõ lý do, thông tin ghi trong quyết định khen thưởng và thông tin đề nghị điều chỉnh.

- Bằng gốc (nếu có), bản sao y quyết định khen thưởng, bản sao y Báo cáo thành tích của cá nhân, hộ gia đình, tập thể có thông tin cần điều chỉnh;

3. Không thực hiện điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã giải thể, chia tách, sáp nhập, tổ chức lại và chấm dứt hoạt động sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị.

Điều 25. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp thành phố:

a) Tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

b) Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2

Điều 93 Luật số 06/2022/QH15 thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

c) Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của tập thể, hộ gia đình, cá nhân;

- Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

d) Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố:

a) Tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

b) Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật số 06/2022/QH15 thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

c) Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

- Tờ trình của Phòng, Ban, bộ phận theo dõi công tác thi đua, khen thưởng đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của tập thể, hộ gia đình, cá nhân;

- Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

d) Phòng, Ban, bộ phận theo dõi công tác thi đua, khen thưởng tổng hợp hồ sơ trình Thủ trưởng đơn vị theo quy định.

Điều 26. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng cấp thành phố

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, tập thể, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan nơi đã trình, đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và chi tiền thưởng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân.

b) Cơ quan trình, đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc tập thể, hộ gia đình, cá nhân nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và gửi về Sở Nội vụ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thành phố

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, tập thể, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khen thưởng.

b) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc tập thể, hộ gia đình, cá nhân nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định.

Điều 27. Quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng

1. Sở Nội vụ thực hiện mua sắm hiện vật khen thưởng cấp thành phố; bảo quản và cấp phát hiện vật khen thưởng cấp thành phố, cấp nhà nước cho cơ quan, đơn vị, địa phương là cơ quan đề nghị khen thưởng cho các tập thể, hộ gia đình và cá nhân; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát hiện vật khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp thành phố, kèm theo hiện vật khen thưởng cho tập thể, hộ gia đình và cá nhân.

3. Tập thể, hộ gia đình và cá nhân được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quyền và trách nhiệm lưu trữ, trưng bày, bảo quản và sử dụng hiện vật khen thưởng lâu dài, đúng mục đích và ý nghĩa. Tập thể được sử dụng các biểu tượng của hiện vật khen thưởng đã được tặng thưởng để tuyên truyền trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

Chương VI
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 28. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập.

3. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố là Phó Chủ tịch thứ nhất; Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực; Phó

Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố là Phó Chủ tịch Hội đồng; Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố là Phó Chủ tịch Hội đồng; Phó Giám đốc Sở Nội vụ phụ trách công tác thi đua khen thưởng (nếu có) là Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố quyết định cơ cấu, thành phần, số lượng thành viên và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

4. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động, tổ chức các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

d) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền tặng thưởng theo quy định.

đ) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố căn cứ tình hình thực tế và hoạt động của các cụm, khối thi đua thuộc thành phố; cụm, khối thi đua thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong các phong trào thi đua để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ số lượng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định hiện hành.

e) Hướng dẫn các cụm, khối thi đua thuộc thành phố tổ chức hoạt động, bình xét, suy tôn đảm bảo theo quy định hiện hành.

g) Hội đồng họp xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng bằng hình thức bỏ phiếu kín (đối với thành viên Hội đồng vắng mặt, cơ quan Thường trực Hội đồng lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo phiếu bình xét) để tham mưu, tư vấn cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, gồm:

- Danh hiệu "Thành phố Anh hùng", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động";

- Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Chiến sĩ thi đua thành phố";

- Huân chương các hạng; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (trừ khen thưởng thành tích kháng chiến, khen theo thủ tục đơn giản);

- Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố", "Bằng khen" tặng thưởng cho các đơn vị, địa phương thuộc các cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập và các đơn vị thuộc Khối thi đua do cơ quan, đơn vị

cấp thành phố thành lập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố khi xét đề nghị khen thưởng thành tích trong hoạt động cụm, khối thi đua hằng năm;

h) Đối với các trường hợp đề nghị khen cấp Nhà nước, cấp thành phố nếu không thể tổ chức họp Hội đồng thì cơ quan Thường trực Hội đồng lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng bằng văn bản đối với việc bình xét và dự thảo Biên bản bình xét của Hội đồng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng ký duyệt.

i) Tỷ lệ phiếu bình xét đồng ý đề nghị khen thưởng

- Đối với danh hiệu "Thành phố Anh hùng", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", phải có từ 90% trở lên phiếu đồng ý của Hội đồng.

- Đối với danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố" phải có từ 80% trở lên phiếu đồng ý của Hội đồng.

- Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác phải có từ 75% trở lên phiếu đồng ý của Hội đồng.

5. Phiên họp của Hội đồng

Hằng năm, Hội đồng tổ chức các phiên họp định kỳ để xét và đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định, hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng, của cơ quan, đơn vị; Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự; đối với phiên họp có nội dung về xem xét đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng phải có ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt, cơ quan thường trực Hội đồng lấy ý kiến thành viên Hội đồng bằng văn bản.

6. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

Điều 29. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động; là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: các Phó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố.

c) Các thành viên Hội đồng: do Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên của Hội đồng là lãnh đạo một số phòng, ban, đơn vị trực thuộc, trong đó có đại diện các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị.

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

c) Tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp thành phố xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của đơn vị hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

4. Tỷ lệ phiếu bình xét đồng ý đề nghị khen thưởng

a) Đối với danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng; "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố", phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

b) Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng từ 75% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

5. Phiên họp của Hội đồng

Hằng năm, Hội đồng tổ chức các phiên họp định kỳ để xét và đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định, hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng, của cơ quan, đơn vị; Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự; đối với phiên họp có nội dung về xem xét đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng phải có ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt, cơ quan thường trực Hội đồng lấy ý kiến thành viên Hội đồng bằng văn bản.

6. Căn cứ vào tình hình thực tiễn; hướng dẫn của đơn vị nghiệp vụ có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động để các cơ quan, đơn vị xác định cơ cấu, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cho phù hợp.

Điều 30. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động; là cơ quan tham mưu, tư vấn giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

c) Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội là Ủy viên Thường trực Hội đồng.

d) Các thành viên Hội đồng: Trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

b) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

c) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

4. Tỷ lệ phiếu bình xét đồng ý đề nghị khen thưởng

a) Đối với danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng; "Cờ thi đua của Chính phủ" và "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố" phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

b) Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng từ 75% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

5. Phiên họp của Hội đồng: Hằng năm, Hội đồng tổ chức các phiên họp định kỳ để xét và đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định, hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua chương trình, kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng; Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự; đối với phiên họp có nội dung về xem xét đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng phải có ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt, cơ quan thường trực Hội đồng lấy ý kiến thành viên Hội đồng bằng văn bản.

Chương VII
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC

Điều 31. Quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng

Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng gồm:

1. Tham mưu, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

3. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố tổ chức các phong trào thi đua; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện các phong trào thi đua và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

4. Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện việc trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quản lý, cấp phát, thu hồi, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Làm nhiệm vụ thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

Điều 32. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng (nguồn kinh phí thi đua, khen thưởng)

1. Nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng cấp thành phố do Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính quản lý, tham mưu sử dụng trên cơ sở dự toán được cấp thẩm quyền giao và phân bổ hằng năm cho Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố; nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tự cân đối, bố trí và quản lý theo quy định pháp luật.

2. Nguyên tắc chi thưởng:

a) Cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm trích từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý để chi thưởng cho các tập thể, hộ gia đình, cá nhân.

b) Giao Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm, giá trị tài sản cứu được hoặc mức độ lan tỏa của từng thành tích đột xuất để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức tiền thưởng cụ thể cho phù hợp với từng vụ việc, đảm bảo không vượt mức trần tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 33 theo Quy chế này.

Điều 33. Mức tiền thưởng và các quyền lợi khác

1. Mức tiền thưởng và các quyền lợi khác kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 368/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này, mức tiền thưởng như sau:

a) Mức tiền thưởng đối với cá nhân là 05 lần mức lương cơ sở.

b) Mức tiền thưởng đối với tập thể là 10 lần mức lương cơ sở.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Trách nhiệm thực hiện

1. Căn cứ các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của đơn vị để thực hiện; nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền

2. Sở Tài chính phối hợp Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng (nguồn kinh phí thi đua, khen thưởng).

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy chế này và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được Sở Nội vụ tiếp nhận (theo đường Bưu điện hoặc hệ thống quản lý và điều hành Đồng Nai - S" trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì thực hiện việc thẩm định, trình và Quyết định khen thưởng theo quy định tại Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).